
Bản án số: 202/2020/HS-ST
Ngày: 05 – 5 – 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn
Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Trung Ng, sinh năm 1994, tại Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 5, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: nam; trình độ học vấn: 1212; Con ông Nguyễn Tri Ph, sinh năm 1966 và bà Phan Ngọc Thu Nga, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ tên Trần Thị Bảo Nhi, chưa có con chung. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị bắt ngày 29/11/2019.

Bị hại: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tri Ph, sinh năm 1966. HKTT: Ấp 5 xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1985 và anh Nguyễn Thế L, sinh năm 1994.

(Bị cáo Ng có mặt; riêng bị hại, người liên quan và người làm chứng vắng tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 ngày 28/11/2019, Nguyễn Trung Ng điều khiển xe mô tô biển số 60P6 – 4393 lưu thông trên đường Quốc lộ 1A theo hướng từ vòng xoay Tam Hiệp về huyện Trảng Bom. Khi đi đến ngã tư Amata thì Ng phát hiện chị Vũ Thị L đang điều khiển xe mô tô biển số 60B1-970.62 lưu thông phía trước cùng chiều với Ng. Ng phát hiện trong túi quần phía bên trái của chị Lê có 01 chiếc điện thoại di động nhô ra ngoài, Ng điều khiển xe mô tô chạy theo sau xe chị Lê đến khu vực nghĩa trang Gia Viên thuộc khu phố 4, phường Tân Hiệp, TP. B thì Ng áp sát về phía bên trái của chị Lê rồi nhanh chóng giật chiếc điện thoại của chị Lê và tăng ga bỏ chạy. Chị Lê truy hô, có người dân truy đuổi đến khu công nghiệp B 2 thì bắt được Ng.

Vật chứng vụ án: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu tím, Imei 866376040033075. 01 xe mô tô hiệu Honda Wave biển số 60P6 – 4393 do ông Nguyễn Tri Ph đứng tên sở hữu.

Tại Kết luận định giá tài sản số 671/TCKH-HĐ ĐG ngày 31/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu tím, Imei 866376040033075 có giá trị là 3.143.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 125/CT-VKSBH ngày 27/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung Ng về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ Ng quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Ng mức án từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận về hành vi cướp giật tài sản như đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3] Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 00 ngày 28/11/2019, trên đường khu vực nghĩa trang Gia Viên thuộc khu phố 4, phường Tân Hiệp, TP. B Nguyễn Trung Ng điều khiển xe mô tô biển số 60P6 – 4393 áp sát xe mô tô của chị Vũ Thị L rồi giật 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9 trị giá 1.143.000đ là tài sản của chị Lê. Hành vi của bị cáo Ng đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, sống tuân thủ pháp luật, đồng thời còn nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về dân sự trong vụ án: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về vật chứng: 01 chiếc xe mô tô biển số 60P-4393 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là tài sản của ông Nguyễn Tri Ph cho bị cáo mượn đi làm. Ông Phương không biết bị cáo sử dụng để phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trả lại cho ông Phương là phù hợp.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung Ng phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Ng 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2019.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1);
- Bị hại; NCQLNVLQ (2)
- VKSND thành phố B (1);
- Cơ quan CSĐT công an TP. B (1);
- Chi cục THADS TP. B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hương